

Số: **04** /2019/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày **17** tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số **08/2017/NQ-HĐND** ngày **11** tháng 4 năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Xét Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017:

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“ a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã hoạt động trên địa bàn tỉnh.”

2. Bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“ 3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở sản xuất miền dong được xây dựng mới hoặc nâng công suất chế biến miền.

a) Đối tượng hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất miền dong (gọi chung là cơ sở sản xuất miền dong) trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% vốn đầu tư cơ sở vật chất (nhà xưởng, máy móc, dây truyền sản xuất,...) hoặc nâng công suất chế biến miền đạt sản lượng 100 tấn miền/năm trở lên. Đối tượng hỗ trợ có thể được nhận hỗ trợ nhiều lần nhưng tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng.

c) Điều kiện hỗ trợ: Các cơ sở sản xuất miền dong có hợp đồng bao tiêu củ dong hoặc tinh bột dong tại tỉnh từ 02 năm trở lên; có hồ sơ hợp pháp chứng minh việc đầu tư cơ sở vật chất, nâng công suất chế biến tăng thêm.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư. ”

3. Bổ sung điểm i khoản 3 Điều 5 như sau:

“ i) Hỗ trợ lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê), mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm, mức vay hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 01 tỷ đồng/tổ hợp tác, không quá 03 tỷ đồng/hợp tác xã. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm; hỗ trợ 01 lần/tổ hợp tác, hợp tác xã. ”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“ **Điều 7.** Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phí phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác (chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...); phí phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm.

1. Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, mức tối đa không quá 30 triệu đồng/hợp tác xã, trang trại.

3. Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, trang trại đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.


4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận; đối với sản phẩm tự công bố được hỗ trợ sau khi có phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trong thời hạn 12 tháng.”

**Điều 2.** Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.


**Điều 3.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

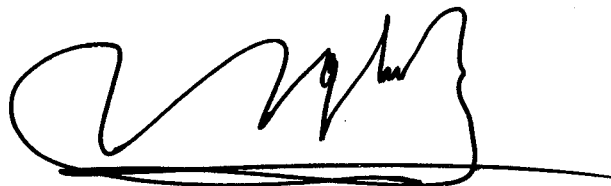
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 4 năm 2019./. 

Nơi nhận: 

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu VT, HS. 

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Du**